UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ NINH HẢI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 56/UBND-VHTT	*Ninh Hải, ngày 03 tháng 8 năm 2023*

THÔNG BÁO

Công khai danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần và cung cấp thông tin trực tuyến thuộc phạm vi cấp xã

Thực hiện Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của UBND xã Ninh Hải về thực hiện cải cách hành chính nhà nước xã Ninh Hải năm 2023.

Để thuận tiện cho cán bộ, công chức UBND xã và các tổ chức cá nhân đến giao dịch tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Ninh Hải nắm được các thủ tục hành chính thuộc phạm vi cấp xã.

UBND xã Ninh Hải thông báo công khai danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần và cung cấp thông tin trực tuyến thuộc phạm vi cấp xã *(có danh sách kèm theo)* trên Trang thông tin điện tử của xã địa chỉ: http://ninhhai.ninhgiang.haiduong.gov.vn tại bộ phận một cửa UBND xã Ninh Hải, để cán bộ, công chức UBND xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết và tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:
- Phòng VHTT Huyện; (Để b/cáo)
- Trang thông tin điện tử xã;(Để tuyên truyền)
- Đài truyền thanh xã;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ NINH HẢI H.NINH GIANG T.HẢI DƯƠNG

Vũ Văn Diệu

Phụ lục

Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần và cung cấp thông tin trực tuyến phạm vi cấp xã.

(*Kèm theo Thông báo số 56/TB-UBND ngày 03/8/2023 của UBND xã Ninh Hải*)

Tổng TT	TT trong lĩnh vực	Mã TT	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực
1	1	1.005412.000.00.00.H23	Một phần	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Bảo hiểm
2	1	2.000355.000.00.00.H23	Toàn trình	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội
3	2	2.000751.000.00.00.H23	Một phần	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	Bảo trợ xã hội
4	3	1.001653.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội
5	4	1.011606.H23	Toàn trình	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Bảo trợ xã hội
6	5	1.011607.H23	Toàn trình	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	Bảo trợ xã hội
7	6	1.011608.H23	Toàn trình	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	Bảo trợ xã hội
8	7	1.011609.H23	Toàn trình	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Bảo trợ xã hội
9	8	1.001699.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội
10	1	2.002165.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Bồi thường nhà nước
11	1	1.008603.000.00.00.H23	Một phần	Kê khai, thẩm định tờ khai bảo vệ môi trường đối với nước thải	Chính sách Thuế
12	1	2.000908.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Chứng thực
13	2	2.000815.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực
14	3	2.000884.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Chứng thực
15	4	2.001035.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao	Chứng

				dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	thực
16	5	2.001019.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực di chúc	Chứng thực
17	6	2.001016.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Chứng thực
18	7	2.001406.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực
19	8	2.001009.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sửa dụng đất, nhà ở	Chứng thực
20	9	2.000913.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Chứng thực
21	10	2.000927.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Chứng thực
22	11	2.000942.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Chứng thực
23	1	1.004492.000.00.00.H23	Một phần	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	Các cơ sở giáo dục khác
24	2	1.004485.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	Các cơ sở giáo dục khác
25	3	2.001810.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).	Các cơ sở giáo dục khác
26	4	1.004443.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	Các cơ sở giáo dục khác
27	5	1.004441.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	Các cơ sở giáo dục khác
28	1	1.002192.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh,chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ	Dân số - Sức khoẻ sinh sản
29	2	2.001088.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	Dân số - Sức khoẻ sinh sản
30	1	2.002409.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Giải quyết khiếu nại
31	1	2.002396.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục Giải quyết tố cáo tại cấp xã	Giải quyết tố cáo
32	1	1.001193.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký khai sinh	Hộ tịch
33	2	2.002516.000.00.00.H23.	Một phần	Xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch
34	3	1.008977.000.00.00.H23	Cung cấp	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử	Hộ tịch

			thông tin trực tuyến	- Xóa đăng ký thường trú - Hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)	
35	4	1.008978.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Hưởng mai táng phí (đối với đối tượng người có công với cách mạng từ trần)	Hộ tịch
36	5	1.008979.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	Hộ tịch
37	6	1.008980.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007	Hộ tịch
38	7	1.008981.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh	Hộ tịch
39	8	1.008982.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	Hộ tịch
40	9	1.008985.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	Hộ tịch
41	10	1.008986.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối	Hộ tịch

			trực tuyến	tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007	
42	11	1.008988.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	Hộ tịch
43	12	HTX017	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Hộ tịch
44	13	HTX018	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Hộ tịch
44	14	HTX019	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh	Hộ tịch
46	15	HTX024	Cung cấp thông tin trực tuyến	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng có công với cách mạng từ	Hộ tịch

				trần	
47	16	HTX025	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử - Hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)	Hộ tịch
48	17	HTX030	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú	Hộ tịch
49	18	1.000894.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký kết hôn	Hộ tịch
50	19	1.001022.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch
51	20	1.000689.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch
52	21	1.000656.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký khai tử	Hộ tịch
53	22	1.003583.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	Hộ tịch
54	23	1.000593.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Hộ tịch
55	24	1.000419.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Hộ tịch
56	25	1.004837.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký giám hộ	Hộ tịch
57	26	1.004845.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	Hộ tịch
58	27	1.004859.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	Hộ tịch
59	28	1.004873.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch
60	29	1.004884.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch
61	30	1.004772.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch
62	31	1.004746.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch
63	32	1.005461.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký lại khai tử	Hộ tịch
64	33	2.000635.000.00.00.H23.	Toàn trình	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	Hộ tịch
65	34	2.000986.000.00.00.H23	Một phần	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Hộ tịch
66	35	2.001023.000.00.00.H23	Một phần	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Hộ tịch
67	1	KLLNX004	Một phần	Thủ tục Phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại.	Kiểm lâm, Lâm nghiệp
68	1	1.010736.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	Môi trường
69	2	1.004082.000.00.00.H23	Toàn trình	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Môi trường
70	1	1.010833.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Người có công
71	1	2.001263.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi

72	2	2.001255.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi
73	1	1.003596.000.00.00.H23	Toàn trình	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	Nông nghiệp
74	1	2.002400.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục Kê khai tài sản, thu nhập	Phòng, chống tham nhũng
75	2	2.002401.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục Xác minh tài sản, thu nhập	Phòng, chống tham nhũng
76	3	2.002402.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục Tiếp nhận yêu cầu giải trình	Phòng, chống tham nhũng
77	4	2.002403.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục Thực hiện việc giải trình	Phòng, chống tham nhũng
78	1	2.002161.000.00.00.H23	Một phần	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	Phòng, chống thiên tai
79	2	2.002162.000.00.00.H23	Một phần	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	Phòng, chống thiên tai
80	3	2.002163.000.00.00.H23	Một phần	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	Phòng, chống thiên tai
81	4	1.010091.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.	Phòng, chống thiên tai
82	5	1.010092.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	Phòng, chống thiên tai
83	1	1.000132.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	Phòng chống tệ nạn xã hội.
84	1	1.010941.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	Phòng, chống tệ nạn xã hội
85	1	2.001457.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục công nhận Tuyên truyền viên pháp luật	Phổ biến giáo dục

					pháp luật
86	2	2.001449.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục cho thôi làm Tuyên truyền viên pháp luật	Phổ biến giáo dục pháp luật
87	3	2.000930.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	Phổ biến giáo dục pháp luật
88	4	2.002080.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Phổ biến giáo dục pháp luật
89	5	2.000333.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	Phổ biến giáo dục pháp luật
90	6	2.000373.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục công nhận hòa giải viên	Phổ biến giáo dục pháp luật
91	1	1.005422.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Quyết định điều chuyển tài sản công	Quản lý công sản
92	2	1.005426.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Quyết định thanh lý tài sản công	Quản lý công sản
93	3	1.005427.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Quyết định tiêu hủy tài sản công	Quản lý công sản
94	1	1.000775.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	Thi đua - khen thưởng
95	2	2.000346.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	Thi đua - khen thưởng
96	3	2.000337.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất	Thi đua - khen thưởng
97	4	1.000748.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	Thi đua - khen thưởng
98	5	2.000305.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	Thi đua - khen thưởng
99	1	2.002226.000.00.00.H23	Một phần	Thông báo thành lập tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác
100	2	2.002227.000.00.00.H23	Một phần	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác
101	3	2.002228.000.00.00.H23	Một phần	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Thành lập và hoạt

					động của tổ hợp tác
102	1	1.008901.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	Thư viện
103	2	1.008902.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	Thư viện
104	3	1.008903.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	Thư viện
105	1	2.000794.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	Thể dục thể thao
106	1	1.003440.000.00.00.H23	Một phần	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	Thủy lợi
107	2	1.003446.000.00.00.H23	Một phần	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi
108	3	2.001621.000.00.00.H23	Một phần	Nhận hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Thủy lợi
109	1	1.010945.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục Tiếp công dân tại cấp xã	Tiếp công dân
110	1	1.004941.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	Trẻ em.
111	2	1.004944.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Trẻ em.
112	3	1.004946.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Trẻ em.
113	4	2.001942.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Trẻ em.
114	5	2.001944.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc	Trẻ em.

				thay thế là người thân thích của trẻ em	
115	6	2.001947.000.00.00.H23	Cung cấp thông tin trực tuyến	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Trẻ em.
116	1	1.008004.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	Trồng trọt
117	1	2.000509.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	Tôn giáo Chính phủ
118	2	1.001028.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	Tôn giáo Chính phủ
119	3	1.001055.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung.	Tôn giáo Chính phủ
120	4	1.001078.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	Tôn giáo Chính phủ
121	5	1.001085.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	Tôn giáo Chính phủ
122	6	1.001090.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	Tôn giáo Chính phủ
123	7	1.001098.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	Tôn giáo Chính phủ
124	8	1.001109.000.00.00.H23	Toàn trình	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	Tôn giáo Chính phủ
125	9	1.001156.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	Tôn giáo Chính phủ
126	10	1.001167.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng,tổ chức tôn giáo,tổ chức tôn giáo trực thuộc	Tôn giáo Chính phủ
127	1	1.003622.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	Văn hóa
128	2	1.000954.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	Văn hóa
129	3	1.001120.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	Văn hóa
130	1	2.002501.000.00.00.H23	Toàn trình	Thủ tục Xử lý đơn tại cấp xã	Xử lý đơn thư
131	1	DBX001	Một phần	Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tạm thời phần hè phố để tổ chức đám cưới và điểm trông giữ xe phục vụ đám cưới	Đường bộ

132	2	DBX002	Một phần	Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tạm thời phần hè phố để tổ chức đám cưới và điểm trông giữ xe phục vụ đám cưới	Đường bộ
133	1	1.004088.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác	Đường thủy nội địa
134	2	1.005040.000.00.00.H23	Một phần	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Đường thủy nội địa
135	3	1.004047.000.00.00.H23	Một phần	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Đường thủy nội địa
136	4	1.004036.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Đường thủy nội địa
137	5	1.004002.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Đường thủy nội địa
138	6	1.003970.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Đường thủy nội địa
139	7	1.006391.000.00.00H23	Một phần	Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác.	Đường thủy nội địa
140	8	1.003930.000.00.00.H23	Một phần	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Đường thủy nội địa
141	9	2.001659.000.00.00.H23	Một phần	Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Đường thủy nội địa
142	1	1.003554.000.00.00.H23	Toàn trình	Hòa giải tranh chấp đất đai	Đất đai

Tổng 142 TT: Trong đó có 30 TT cung cấp thông tin trực tuyến; 44 thủ tục Một phần và 68 thủ tục Toàn trình